

TRƯỜNG ĐH KHXH&NV
KHOA/BỘ MÔN VĂN HỌC VÀ NGÔN NGỮ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **ĐẠI CƯƠNG NGHỆ THUẬT HỌC**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): **Understanding Art/Introduction to Art**

- Mã môn học:

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ dành cho sinh viên năm thứ 2

4. Phân bố thời gian: 30 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 20 tiết

- Thực hành: 0 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác: (bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...): 0 tiết

- Tự học: 0 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: học xong các môn đại cương

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Khái quát phương pháp luận và đặc điểm các loại hình nghệ thuật.

Giới thiệu những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật phương Đông và nghệ thuật phương Tây

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về nghệ thuật-

Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

Mô tả/trình bày được sự ra đời của nghệ thuật, một số lý thuyết nghệ thuật quan trọng, một số giai đoạn nghệ thuật tiêu biểu ở phương Đông lẫn phương Tây

Phân tích nguyên nhân hình thành, phát triển của các loại hình và trường phái nghệ thuật

Áp dụng kiến thức đã học trong nghiên cứu văn hóa nghệ thuật

Đạt được kỹ năng phân tích, thưởng thức đánh giá một số loại hình nghệ thuật
Có thái độ yêu thích và tiếp tục tìm hiểu các loại hình nghệ thuật chuyên sâu

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<p><i>Mô tả/trình bày được</i> sự ra đời của nghệ thuật, một số lý thuyết nghệ thuật quan trọng, một số giai đoạn nghệ thuật tiêu biểu ở phương Đông lẫn phương Tây</p> <p><i>Phân tích</i> nguyên nhân hình thành, phát triển của các loại hình và trường phái nghệ thuật</p> <p><i>Áp dụng</i> kiến thức đã học trong nghiên cứu văn hóa nghệ thuật</p> <p><i>Đạt được kỹ năng</i> phân tích, thưởng thức đánh giá một số loại hình nghệ thuật</p> <p><i>Có thái độ</i> yêu thích và tiếp tục tìm hiểu các loại hình nghệ thuật chuyên sâu</p>	<p><i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i></p>	<p><i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i></p>

*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<p><i>Mô tả/trình bày được</i> sự ra đời của nghệ thuật, một số lý thuyết nghệ thuật quan trọng, một số giai đoạn nghệ thuật tiêu biểu ở phương Đông lẫn phương Tây</p> <p><i>Phân tích</i> nguyên nhân hình thành, phát triển của các loại hình và trường phái nghệ thuật</p> <p><i>Áp dụng</i> kiến thức đã học trong nghiên cứu văn hóa nghệ thuật</p> <p><i>Đạt được kỹ năng</i> phân</p>	<p><i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i></p>	<p><i>Kỹ năng trình bày</i> <i>Ý kiến hỏi đáp</i> <i>Kiểm tra giữa kỳ</i></p>	<p><i>K1, K4, K5</i></p>	<p><i>KN1, KN2, KN5</i></p>	<p><i>TD1, TD3, TD4</i></p>

tích, thưởng thức đánh giá một số loại hình nghệ thuật <i>Có thái độ yêu thích và tiếp tục tìm hiểu các loại hình nghệ thuật chuyên sâu</i>					

9. Tài liệu phục vụ môn học:

Tiếng Việt

1. Cynthia Freeland (2009), *Thế mà là nghệ thuật ư?* Như Huy dịch, NXB Tri Thức.
2. Đỗ Văn Khang (2008), *Nghệ thuật học*, NXB ĐHQG Hà Nội.
3. M.Cagan (2004), Phan Ngọc dịch, *Hình thái học của nghệ thuật*, NXB Hội nhà văn.
4. Trần Đình Sử (chủ biên dịch) (2002), *Bách khoa toàn thư tuổi trẻ văn học và Nghệ thuật*, NXB Phụ Nữ.

Tiếng Anh:

1. Terry Barrett (1994), *Criticizing Art*, Mayfield Publisher Company
2. Ruhrberg, Schneckenburger, Frickke, Honnef, *Art of the 20th century* (2005), Taschen Publisher.
3. Desiderius Orban, *Understanding Art* (1968), , Hongkong Publisher.
4. Dennis Sporre (1989), *Perceiving The Arts*, Prentice Hall Publisher.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
<i>Sau mỗi tuần</i>	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Bài tập</i> - <i>Bài thu hoạch</i>	30 % 30 % 40 % 100%	<i>Điểm giữa kỳ</i>	50%
<i>Cuối kỳ</i>	- <i>Thi cuối kỳ/Tiểu luận</i>	100%	<i>Điểm cuối kỳ</i>	50%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá: Trung bình: 5-6, Khá: 7-7,5, Tốt: 8-9, Xuất sắc: 9,5 - 10
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm: Giữa kỳ: 30%, Cuối kỳ: 50%
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm: Giữa kỳ: Thuyết trình nhóm: 10%, Bài tập tại lớp: 10%, Thảo luận nhóm 10%, Cuối kỳ: Thi tại lớp: 70%

11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp
- Tuyệt đối không được vắng học không lý do và làm việc riêng trong lớp
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp
- Sử dụng công nghệ Power Point cho các bài thuyết trình
- Thực hiện các bài tập theo yêu cầu

11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiêu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị trừ 20% điểm
- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị học lại

11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Sinh viên liên lạc với giảng viên phụ trách môn học qua email: daolena86@gmail.com, thieumai27@gmail.com

12. Nội dung chi tiết môn học:

Buổi 1: Lý thuyết nghệ thuật (5 tiết)

Buổi 2: Các loại hình nghệ thuật (5 tiết)

Buổi 3: Phim ngắn và video art (5 tiết)

Buổi 4: Phong cách hội họa (5 tiết)

Buổi 5: Điềm nhìn nghệ thuật phương Đông (5 tiết)

Buổi 6: Điềm nhìn nghệ thuật phương Tây (5 tiết)

13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi	Nội dung môn học	Số tiết	Nội dung học tập của sinh viên	Số tiết
1	Lý thuyết nghệ thuật	5	Đọc sách: Thế mà là nghệ thuật	10
2	Các loại hình nghệ thuật	5	Tìm hiểu về các loại hình nghệ thuật, nộp bài thu hoạch cá nhân	10
3	Phim ngắn và video art	5	Tìm hiểu và giới thiệu cách làm phim ngắn và video art	10
4	Phong cách hội họa	5	Đọc sách và tìm hiểu về phong cách hội họa	10
5	Điềm nhìn nghệ thuật phương Đông	5	Tìm hiểu về lịch sử nghệ thuật phương Đông	10
6	Điềm nhìn nghệ thuật phương Tây	5	Tìm hiểu về lịch sử nghệ thuật phương Tây	10

Trưởng Khoa

TP. Hồ Chí Minh, ngày... tháng...năm
Trưởng Bộ môn **Người biên soạn**

Đào Lê Na

*** Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan: Khoa Văn học và Ngôn ngữ, ĐHKHXH&NV, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: khoavanhoc-ngonngu.edu.vn

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)

